

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai công thu chi ngân sách phường Thịnh Đán
9 tháng đầu năm 2023 và quý III năm 2023**

Hôm nay vào lúc 8h00, ngày 10 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở UBND phường Thịnh Đán, chúng tôi gồm có:

I. Đại diện UBND phường Thịnh Đán

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Ông: Nguyễn Văn Nam | Chức vụ: Chủ tịch UBND phường |
| 2. Bà: Ma Thị Lường | Chức vụ: Công chức Văn phòng - Thống kê |
| 4. Ông: Nguyễn Văn Trọng | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 5. Ông: Vũ Xuân Thắng | Chức vụ: Công chức Tư pháp - Hộ tịch |

II. Đại diện UB MTTQ phường Thịnh Đán

- | | |
|-------------------------|--------------------------------------|
| 1. Bà: Nhữ Thị Thọ | Chức vụ: Chủ tịch UB MTTQ phường |
| 2. Ông: Nguyễn Hữu Phúc | Chức vụ: Phó chủ tịch UB MTTQ phường |

III. Đại diện HĐND phường Thịnh Đán

- | | |
|--------------------------|-----------------------------------|
| 1. Ông: Nguyễn Hữu Long | Chức vụ: Chủ tịch HĐND phường |
| 2. Bà: Lưu Thị Thùy Linh | Chức vụ: Phó chủ tịch HĐND phường |

Tổ chức niêm yết công khai thu, chi ngân sách phường Thịnh Đán 9 tháng đầu năm 2023 và quý III năm 2023, hồ sơ gồm có:

- Thông báo số /TB-UBND ngày /10/2023 của UBND phường Thịnh Đán.
- Các biểu mẫu liên quan.

Địa điểm niêm yết: Bảng tin của UBND phường (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

Thời gian bắt đầu niêm yết: Từ ngày 10 tháng 10 năm 2023.

Thời điểm kết thúc niêm yết: Hết ngày tháng 11 năm 2023.

Nơi tiếp nhận phản hồi (nếu có): Văn phòng UBND phường Thịnh Đán./.

Biên bản lập xong hồi 9h00" cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua và ký xác nhận./.

ĐẠI DIỆN UB MTTQ PHƯỜNG

**ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Nhữ Thị Thọ



ĐẠI DIỆN HĐND PHƯỜNG

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nam**



Thịnh Đán, ngày 10 tháng 10 năm 2023

THUYẾT MINH

**Công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách
quý III năm 2023 của phường Thịnh Đán**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND phường thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường quý III năm 2023 như sau:

1. Thu ngân sách quý III năm 2023:

- Thu NSNN quý III thực hiện: $4.510.554.924đ/20.611.013.638đ = 29\%$

- Thu NS phường quý III thực hiện: $2.167.019.948đ/9.666.213.638đ = 22\%$

Các khoản thu hưởng điều tiết đạt $240.313.953$ đồng/ $1.247.200.000$ đồng = 22% dự toán.

2. Chi ngân sách quý III năm 2023:

Tổng chi thường xuyên ngân sách đạt $2.318.702.324$ đồng/ $6.692.165.919$ đồng = 25% dự toán.

Chi thường xuyên đạt: $1.412.757.531$ đồng/ $5.754.379.000$ đồng = 25% dự toán

Chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt $902.760.857$ đồng/ $937.786.917$ đồng = 96% dự toán.

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân quý III năm 2023:

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2023 UBND phường đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2023 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng, họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm tiếp theo của năm. Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.

Trong quý III năm 2023, UBND phường thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không bị nợ đọng. Nói chung, trong quý III năm 2023 đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

KẾ TOÁN



Nguyễn Văn Trọng

CHỦ TỊCH UBND



Nguyễn Văn Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG THỊNH ĐÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 179 /QĐ-UBND

Thịnh Đán, ngày 10 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2023 và quý III năm 2023 của phường Thịnh Đán

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THỊNH ĐÁN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của Công chức Văn Phòng – Thống kê, Tài chính – Kế toán UBND phường;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai thu, chi ngân sách phường Thịnh Đán 9 tháng đầu năm 2023 và quý III năm 2023 (Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính – Kế toán, các bộ phận chuyên môn, tập thể, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Phòng Tài chính thành phố;
- TT đảng ủy, HĐND phường;
- Các ban, ngành đoàn thể;
- Các TDP;
- Nhu điều 3;
- Lưu: VP;KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Nam

Thịnh Đán, ngày 10 tháng 10 năm 2023

CÔNG KHAI THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường Thịnh Đán 9 tháng đầu năm 2023

1. Thu ngân sách nhà nước

1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 được giao là 12.372.000.000 đồng. Kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm đạt 6.410.219.753 đồng bằng 52% kế hoạch giao. Trong đó:

- Các khoản thu 100%: 127.890.000 đồng/180.000.000 đồng đạt 71% kế hoạch giao.

- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh: 145.283.333 đồng/130.000.000 đồng đạt 112% kế hoạch giao.

- Lệ phí trước bạ nhà, đất: 1.300.564.609 đồng/1.938.000.000 đồng đạt 67% kế hoạch giao.

- Thuế giá trị gia tăng: 1.272.164.167 đồng/1.764.000.000 đồng đạt 72% kế hoạch giao.

- Thuế thu nhập cá nhân từ đất: 2.220.650.515 đồng/7.020.000.000 đồng đạt 32% kế hoạch giao.

- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ: 610.745.932 đồng/890.000.000 đồng đạt 69% kế hoạch giao.

1.2. Thu ngân sách phường được hưởng theo tỷ lệ điều tiết

Dự toán thu ngân sách phường năm 2023 được giao là 1.427.200.000 đồng. Kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm đạt 798.767.949 đồng bằng 56% kế hoạch giao. Trong đó:

- Các khoản thu 100%: 127.890.000 đồng/180.000.000 đồng đạt 71% kế hoạch giao.

- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh: 145.283.333 đồng/130.000.000 đồng đạt 112% kế hoạch giao.

- Lệ phí trước bạ nhà, đất: 130.056.525 đồng/193.800.000 đồng đạt 67% kế hoạch giao.

- Thuế giá trị gia tăng: 122.127.962 đồng/176.400.000 đồng đạt 69% kế hoạch giao.

- Thuế thu nhập cá nhân từ đất: 213.182.505 đồng/702.000.000 đồng đạt 30% kế hoạch giao.

1.3. Thu ngân sách phường

Dự toán thu ngân sách phường năm 2023 được giao và thu kết dư, thu chuyển nguồn và thu bổ sung từ cấp trên là 9.666.213.638 đồng. Kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm đạt 8.017.781.587 đồng bằng 83%. Trong đó:

- Các khoản thu 100%: 127.890.000 đồng/180.000.000 đồng đạt 71% kế hoạch giao.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) là: 670.877.949đồng/1.247.200.000đồng, đạt 54%.

- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh: 145.283.333 đồng/130.000.000 đồng đạt 112% kế hoạch giao.

- Lệ phí trước bạ nhà, đất: 130.056.525 đồng/193.800.00 đồng đạt 67% kế hoạch giao.

- Thuế giá trị gia tăng: 122.127.962 đồng/176.400.000 đồng đạt 69% kế hoạch giao.

- Thuế thu nhập cá nhân từ đất: 213.182.505 đồng/702.000.000 đồng đạt 30% kế hoạch giao.

- Thu kết dư ngân sách năm trước: 863.943.545 đồng/863.943.545 đồng, đạt 100%

- Thu chuyển nguồn: 3.058.627.093 đồng/3.058.627.093 đồng.

- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 3.296.443.000đồng/4.316.443.000đồng đạt 76% kế hoạch giao. Trong đó:

- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 3.217.179.000đồng/4.237.179.000đồng .

- Thu bổ sung có mục tiêu: 79.264.000đồng/79.264.000đồng.

2. Chi ngân sách

Dự toán chi ngân sách được giao 6.579.914.919 đồng. Kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm chi thường xuyên 3.861.048.814/5.642.128.000đồng đạt 72% kế hoạch giao.

Chi đầu tư xây dựng: 902.760.857/937.786.919 đồng đạt 96% kế hoạch giao

Cụ thể như sau:

- Chi dân quân tự vệ: 382.080.100 đồng/507.440.000 đồng đạt 75% kế hoạch giao.

- Chi trật tự an toàn xã hội: 320.789.640 đồng/373.804.000 đồng đạt 86% kế hoạch giao.

- Chi văn hóa, thông tin: 14.281.200 đồng/123.000.000 đồng đạt 12% kế hoạch giao.

- Chi thể dự, thể thao: 22.135.000 đồng/25.000.000 đồng đạt 89% kế hoạch giao.

- Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 3.016.868.574 đồng/4.418.703 đồng đạt 68% kế hoạch giao.

KẾ TOÁN



Nguyễn Văn Trọng

CHỦ TỊCH UBND



Nguyễn Văn Nam

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (9 THÁNG, NĂM)

Từ tháng 01 đến tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (9 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	9.666.213.638	8.017.781.587	83
1.	Các khoản thu 100%	180.000.000	127.890.000	71
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.247.200.000	670.877.949	54
3.	Thu chuyển nguồn	3.058.627.093	3.058.627.093	100
4.	Thu kết dư	863.943.545	863.943.545	100
5.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.316.443.000	3.296.443.000	76
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.237.179.000	3.217.179.000	76
	- Bổ sung có mục tiêu	79.264.000	79.264.000	100
II.	Tổng số chi	6.692.165.919	4.763.809.675	36
1.	Chi đầu tư phát triển	937.786.919	902.760.857	37
2.	Chi thường xuyên	5.642.128.000	3.861.048.818	38
3.	Dự phòng	112.251.000		


Ngày 02 tháng 10 năm 2023

Bộ phận tài chính, kế toán xã

TM. UBND xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)


Nguyễn Văn Hưng




TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nam

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 9 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Thực hiện		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	12.372.000.000	1.427.200.000	6.410.219.753	798.767.949	52	56
I. Các khoản thu 100%	180.000.000	180.000.000	127.890.000	127.890.000	71	71
- Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	29.577.000	29.577.000	49	49
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu tiền bồi thường từ quỹ đất công ích						
- Thu tiền cho thuê lòng lề đường, bến bãi			18.711.000	18.711.000		
- Thu tiền cho thuê tài sản nhà nước						
- Thu tiền phí hoạt động sự nghiệp						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	120.000.000	120.000.000	79.602.000	79.602.000	66	66
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	12.192.000.000	1.247.200.000	6.282.329.753	670.877.949	52	54
1. Các khoản thu phân chia	2.518.000.000	368.800.000	2.048.120.491	335.567.482	81	91
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	450.000.000	45.000.000	602.272.549	60.227.624	134	134
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	130.000.000	130.000.000	145.283.333	145.283.333	112	112
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.938.000.000	193.800.000	1.300.564.609	130.056.525	67	67
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	9.674.000.000	878.400.000	4.234.209.262	335.310.467	44	38
- Thuế TNDN						
- Thuế TNCN từ đất	7.020.000.000	702.000.000	2.220.650.515	213.182.505	32	30
- Thuế giá trị gia tăng	1.764.000.000	176.400.000	1.272.164.167	122.127.962	72	69
- Thuế tiêu thụ đặc biệt			1.855.800	0		
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ	890.000.000	0	610.745.932	0	69	
- Thuế thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản			40.782.083	0		
- Thu khác lĩnh vực Thuế quản lý			88.010.765	0		

III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
- Tiền thuê đất						
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
IV. Thu chuyển nguồn						
- Bổ sung cân đối ngân sách						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên						
- Bổ sung có mục tiêu						

Bộ phận tài chính, kế toán xã



Ngày 02 tháng 10 năm 2023

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
 (Ký tên và đóng dấu)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nam

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 01 đến tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	6.692.165.919	937.786.919	5.754.379.000	4.763.809.671	902.760.857	3.861.048.814	71		
I. Chi đầu tư phát triển khác	937.786.919	937.786.919		902.760.857	902.760.857		96	96	
II. Chi thường xuyên	5.754.379.000		5.754.379.000			3.861.048.814			67
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	881.244.000		881.244.000	702.869.740		702.869.740	80		80
- Chi dân quân tự vệ	507.440.000		507.440.000	382.080.100		382.080.100	75		75
- Chi trật tự an toàn xã hội	373.804.000		373.804.000	320.789.640		320.789.640	86		86
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	123.000.000		123.000.000	14.281.200		14.281.200	12		12
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	22.135.000		22.135.000	89		89
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế									
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.418.703.000		4.418.703.000	3.016.868.574		3.016.868.574	68		68
Trong đó: Quỹ lương									
10.1. Ủy ban nhân dân	350.000.000		350.000.000	221.797.904		221.797.904	63		63
10.2. Hội đồng nhân dân	2.407.534.000		2.407.534.000	1.668.185.864		1.668.185.864	69		69
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	620.874.000		620.874.000	510.738.570		510.738.570	82		82
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	354.074.000		354.074.000	232.282.934		232.282.934	66		66
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	149.730.000		149.730.000	92.869.434		92.869.434	62		62
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	149.730.000		149.730.000	76.063.044		76.063.044	51		51
10.7. Hội Cựu chiến binh	149.730.000		149.730.000	49.401.300		49.401.300	33		33
10.8. Hội Nông dân	169.730.000		169.730.000	112.041.324		112.041.324	66		66
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	25.104.000		25.104.000	19.645.800		19.645.800	78		78

10.10. Hội Người cao tuổi	26.105.000		26.105.000	20.936.400		20.936.400	80	80
10.11. Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	12.906.000		12.906.000	80	80
11. Chi cho công tác xã hội	90.085.000		90.085.000	47.883.300		47.883.300	53	53
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	60.085.000		60.085.000	47.883.300		47.883.300	80	80
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	10.000.000		10.000.000					
- Chi trợ cấp xã hội, người có công	20.000.000		20.000.000					
12. Chi khác	104.096.000		104.096.000	57.011.000		57.011.000	55	55
12.1 - Chi thù lao Hội Da cam; Hội Cựu TNXP	32.184.000		32.184.000	25.812.000		25.812.000	80	80
12.2 - Chi hoạt động Đội xã hội tình nguyện	71.912.000		71.912.000	31.199.000		31.199.000	43	43
13. Dự phòng	112.251.000		112.251.000					
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau								

Ngày 02 tháng 10 năm 2023

Bộ phận tài chính, kế toán xã

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nam

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (9 THÁNG, NĂM)

Quý 3 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (9 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	9.666.213.638	2.167.019.498	22
1.	Các khoản thu 100%	180.000.000	42.762.000	24
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.247.200.000	240.313.953	19
3.	Thu chuyển nguồn	3.058.627.093		
4.	Thu kết dư	863.943.545	863.943.545	100
5.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.316.443.000	1.020.000.000	24
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.237.179.000	1.020.000.000	24
	- Bổ sung có mục tiêu	79264000		
II.	Tổng số chi	6.692.165.919	2.318.702.324	
1.	Chi đầu tư phát triển	937.786.919	902.760.857	96
2.	Chi thường xuyên	5.642.128.000	1.415.941.467	25
3.	Dự phòng	112.251.000		

Ngày 02 tháng 10 năm 2023

Bộ phận tài chính, kế toán xã

TM. UBND xã, phường, thị trấn
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nam

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Quý 3 Năm 2023

Khoản mục	Dự toán			Thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	6.692.165.919	937.786.919	5.754.379.000	2.318.702.324		1.412.757.531	25		25
I. Chi đầu tư phát triển khác	937.786.919	937.786.919		902.760.857	902.760.857			96	
II. Chi thường xuyên	5.754.379.000		5.754.379.000	1.415.941.467		1.415.941.467	25		25
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	881.244.000		881.244.000	186.193.400		186.193.400	21		21
- Chi dân quân tự vệ	507.440.000		507.440.000	79.757.400		79.757.400	16		16
- Chi trật tự an toàn xã hội	373.804.000		373.804.000	106.436.000		106.436.000	28		28
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	123.000.000		123.000.000						
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	1.250.000		1.250.000	5		5
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế									
- Giao thông									
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.418.703.000		4.418.703.000	1.185.279.067		1.185.279.067	27		27
Trong đó: Quỹ lương				1.074.598.273		1.074.598.273			
10.1. Ủy ban nhân dân	2.407.534.000		2.407.534.000	678.151.120		678.151.120	28		28
10.2. Hội đồng nhân dân	350.000.000		350.000.000	91.937.450		91.937.450	26		26
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	620.874.000		620.874.000	197.712.861		197.712.861	32		32
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	354.074.000		354.074.000	88.702.386		88.702.386	25		25
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	149.730.000		149.730.000	34.971.750		34.971.750	23		23
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	149.730.000		149.730.000	25.980.850		25.980.850	17		17
10.7. Hội Cựu chiến binh	149.730.000		149.730.000	18.603.000		18.603.000	12		12

10.8. Hội Nông dân	169.730.000		169.730.000	29.077.650		29.077.650	17		17
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	25.104.000		25.104.000	7.398.000		7.398.000	29		29
10.10. Hội Người cao tuổi	26.105.000		26.105.000	7.884.000		7.884.000	30		30
10.11. Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	4.860.000		4.860.000	30		30
11. Chi cho công tác xã hội	90.085.000		90.085.000	18.243.000		18.243.000	20		20
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	60.085.000		60.085.000	18.243.000		18.243.000	30		30
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	10.000.000		10.000.000						
- Chi trợ cấp xã hội, người có công	20.000.000		20.000.000						
12. Chi khác	104.096.000		104.096.000	24.976.000		24.976.000	24		24
- Chi thù lao Hội Da cam; Hội cựu TNXP	32.184.000		32.184.000	9.720.000		9.720.000	30		30
- Chi hoạt động Đội xã hội tình nguyện	71.912.000		71.912.000	15.256.000		15.256.000	21		21
13. Dự phòng	112.251.000		112.251.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày 02 tháng 10 năm 2023

Bộ phận tài chính, kế toán xã



TM. UBND xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nam

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Quý 3 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Thực hiện		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	20.611.013.638	9.666.213.638	4.510.554.924	2.167.019.498	29	22
I. Các khoản thu 100%	180.000.000	180.000.000	42.762.000	42.762.000	47	24
- Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	16.412.000	16.412.000	27	27
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu tiền bồi thường từ quỹ đất công ích						
- Thu tiền cho thuê lòng lề đường, bến bãi						
- Thu tiền cho thuê tài sản nhà nước						
- Thu tiền phí hoạt động sự nghiệp						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	120.000.000	120.000.000	26.350.000	26.350.000	22	22
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	12.192.000.000	1.247.200.000	2.583.849.379	240.313.953	21	
1. Các khoản thu phân chia	2.518.000.000	368.800.000	758.584.172	102.546.783	30	28
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	450.000.000	45.000.000	381.464.858	38.146.766	85	85
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	130.000.000	130.000.000	15.000.000	15.000.000	12	12
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	1.938.000.000	193.800.000	362.119.314	49.400.017	19	25
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định	9.674.000.000	878.400.000	1.825.265.207	137.767.170	17	
- Thuế TNDN						
- Thuế TNCN từ đất	7.020.000.000	702.000.000	823.514.043	79.057.373	12	11
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ	890.000.000		274.899.744		31	
- Thuế thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản			40.782.083			
- Thuế giá trị gia tăng	1.764.000.000	176.400.000	611.559.537	58.709.797	35	33
- Thuế tiêu thụ đặc biệt			1.855.800			
- Thu khác lĩnh vực Thuế quản lý			72.654.000			

III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	0		0	0		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	863.943.545	863.943.545	863.943.545	863.943.545	100	100
IV. Thu chuyển nguồn	3.058.627.093	3.058.627.093				
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.316.443.000	4.316.443.000	1.020.000.000	1.020.000.000	24	24
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.237.179.000	4.237.179.000	1.020.000.000	1.020.000.000	24	24
- Bổ sung có mục tiêu	79.264.000	79.264.000				

Bộ phận tài chính, kế toán xã



Ngày 02 tháng 10 năm 2023

TM. UBND xã, phường, thị trấn

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Nam